Họ tên	Bộ phận	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	19	20	21	22	23	26	27	28	29	30	Tổng
VI VĂN KHƯƠNG	BGĐ								5.57	8.77	7.87	8.8	5.4	8.9	4.48		8.82	8.35	3.92	4.63		**11**
BAN GIÁM ĐỐC Cou	1																					
KHA THỊ HẢI	DƯỢC				7.85	8.22	8.1	7.78	8.27	8.43	8.18	8.08	8.73	8.3	8.35	8.48	8.3	8.3	8.07	8.27	8.42	**17**
KHOA DƯỢC Count	1																					
HOÀNG VĂN TRUNG	TCHC	7.7					8.63	8.53	8.58	8.28	8.72	8.55	8.57	8.43		8.63		5.8	9.05	8.32	8.62	**14**
PHÙNG DUY ĐỨC	TCHC		7.82	4.2	8.35	8.52	8.27	8.13	8.07	7.98	6.82	8.28	8.27	8.47	8.77	5.53				8.4	7.73	**16**
KHA VĂN HÀ	TCHC	1.5		4.37			8.17							8.3		3.67					4.02	**6**
VI VĂN THÌN	TCHC					7.62				8.53	8.35	7.73		8.08	7.45		4.2	1.63	8.67	7.45	4.68	**11**
LÔ VĂN TUẤN	TCHC	6.82	8.2	3.52	2.92	2.88	5.42	7.83	7.62	8.17	8.02	8.07	8.23	8.02		8.42	8.13	6.1	7.62	2.45	3.7	**19**
LƯƠNG VĂN AI	TCHC	3.37	8.03	8.8	9.1	8.27	8.3	8.42	8.75	9.03	8.75		8.98	8.78		8.57	9.05	8.57	9	8.55	3.25	**18**
LỮ VĂN TÒA	TCHC	4.67	8.57	8.5	8.78	8.53	8.72	5.73	8.55		8.65	8.67	8.75	8.57	8.62	8.33	8.62	8.87	5.23	7.22	8.47	**19**
TỔ CHỨC HÀNH CHÍ	7																					
HÀ NGỌC ANH	KSBT																					**0**
VỪ BÁ TỐNG	KSBT	4.15	8.45	8.13	8.67	8.88			9.07	8.77	8.62	3.2		5.17			8.63	8.88	5.08	8.48	8.53	**15**
CỤT VĂN PHON	KSBT	3.52	8.45				1.92		8.97	8.1	8.32	8.4	9.53	8.13	7.82	8.75	7.85	9.33	3.7		8.42	**15**
VI VĂN KHOA	KSBT	7.32	8.4	8.33	8.15	8.25	8.35	8.5	8.73	8.15	7.1	8.45	8.22	8.47	8.67	4.12	8.52	8.53	8.45	8.6	8.48	**20**
PHẠM ĐỨC HÒA	KSBT	7.95	8.07	8.5	8.12	8.05	8.28	8.05	8.33	8.08	7.98	8.5	8.48	8.42	8.35	8.62	8.32	8.43				**17**
NGUYỄN VĂN TUẤN	KSBT	8.12	8.32	7.98		8.7	8.5					8.23		8.53		8.38	8.53	8.22		8.4	7.73	**12**
GIÀ BÁ SÔ	KSBT	6.75	8.35	8.75	8.72	5.22		8.62		8.7	8.62	5.63	4.28	8.7	5.27	8.67	8.27	8.83	4.3		8.78	**17**
KHOA KSBT- HIV/AI	7																					
NGUYỄN VĂN HIẾU	ATTP				4.48	8.68	8.85	8.95	8.55	3.98	8.7	8.85	8.88	8.42	8.65	8.92	8.47	8.5	5.47	8.58	8.5	**17**
VI THỊ NGÂN	ATTP			8.35	8.25	8.27	8.28	7.97	8.45	3.97	8.22	2.82	8.73	8.33	8.28	1.5	8.15	7.23	5.3	8.12	7.15	**18**
LÔ XUÂN QUANG	ATTP	4.28		7.55	8.3	8.7	8.03	8.1	7.57	8.28	8.52	8.37		8.62		8.92	8.38	8.75	8.05	8.03	8.28	**17**
LÊ CÔNG CHÂU	ATTP																					**0**
MOONG THỊ NHÂN	ATTP	5.03		7.83	8.3	5.22	7.73	7.68	7.68	4.03	8.23	5.38	5.33				7.7	8.25	8.22	7.93	8.42	**16**
VI THỊ MY LA	ATTP	8.13	8.2	8.08	8.43	8.55	5.45					8.45	8.63	8.18	8.58	8.88	8.05	8.37	7.97	8.12	8.28	**16**
KHOA ATTP - YTCC&	7																					

MÙA XIA LỮ	DÂN SỐ	4.37	8.42	3.85	7.35	8.23	8.3	8.15	8.4	8.27	8.07	8.38	5.82	8.25			8.43	6.73				**15**
TRẦN THỊ KHÁNH	DÂN SỐ	7.63	8.68	8.72	8.47	8.68	8.23	3.85				8.35	8.77	8.47	3.97			8.67	8.4	8.37	8.62	**15**
TRẦN THỊ TUYẾT	DÂN SỐ	8.1	8.18	8.55	7.43	8.33	8.42					7.5	7.98	7.98	7.78	8.4	7.95	7.77				**13**
LÔ THỊ HẰNG	ATTP	8.1	8.07	8.47	8.3	7.25	8.08					7.75	8.98	8.68	3.75		7.68	8.48				**12**
PHÒNG DÂN SỐ Cou	3																					